|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾSố: /2019/TT-BYT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**DỰ THẢO 20/6/2019**

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm**

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) ký ngày 08 tháng 3 năm 2018;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Dược,*

*Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tưsửa đổi,bổ sungKhoản 4 Điều 4 Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm**

Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 4 như sau:

“4. Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS): Chỉ áp dụng đối với trường hợp công bố sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu từ các nước không phải là thành viên Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và đáp ứng các yêu cầu sau:

a) CFS do nước sở tại cấp là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ, còn hạn. Trường hợp CFS không nêu thời hạn thì phải là bản được cấp trong vòng 24 tháng kể từ ngày cấp.

b) CFS phải được hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hoá lãnh sự theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.”

**Điều 2. Quy định chuyển tiếp**

Các Hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BYT trừ trường hợp tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm mỹ phẩm tự nguyện thực hiện theo quy định tại Thông tư này kể từ ngày ký ban hành Thông tư.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm ...

**Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, cơ quan tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Y tế (Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế, địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội) để xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí Thư;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Chính phủ (Phòng Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ);- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL, Cục KSTTHC); - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;- Bộ trưởng (để báo cáo);- Các Thứ trưởng Bộ Y tế (để chỉ đạo thực hiện);- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ;- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;- Lưu: VT, PC, Cục QLD (05 bản). | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG****Trương Quốc Cường** |